

Số 09 /QĐ-HĐQL

Đồng Nai, ngày 19 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế huy động vốn của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai

HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Thông tư số 86/2021/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2021 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 147/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Quyết định số 479/QĐ.CT.UBT ngày 18 tháng 02 năm 2000 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thành lập Quỹ Đầu tư phát triển Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 2932/QĐ-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Giám đốc và ý kiến của các thành viên Hội đồng Quản lý Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế huy động vốn của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 08/QĐ-HĐQL ngày 17/03/2017 của Hội đồng quản lý Quỹ về việc ban hành Quy chế huy động vốn của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Các thành viên Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát, Giám đốc Quỹ và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các phòng nghiệp vụ Quỹ;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ
CHỦ TỊCH



Võ Tấn Đức

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



QUY CHẾ

Huy động vốn của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai
(Kèm theo Quyết định số 09/QĐ-HĐQL ngày 19 tháng 5 năm 2023
của Hội đồng quản lý Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về việc Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai (gọi tắt là Quỹ) được huy động các nguồn vốn trung và dài hạn từ các tổ chức trong và ngoài nước, hoạt động thông qua việc nhận tiền gửi dưới hình thức hợp đồng huy động vốn; nhận tiền vay, đặt cọc, ký cược và tiền đầu tư trái phiếu của các tổ chức trong và ngoài nước nhằm mục đích tạo nguồn vốn để đầu tư trực tiếp hoặc đầu tư gián tiếp vào các dự án, phương án của Quỹ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai.
2. Các tổ chức trong và ngoài nước có nhu cầu gửi tiền thông qua hình thức hợp đồng huy động vốn; cho vay, đặt cọc, ký cược hoặc mua trái phiếu Quỹ.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong quy chế này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. “Vốn chủ sở hữu” Bao gồm vốn điều lệ do chủ sở hữu cấp, Quỹ Đầu tư phát triển, các nguồn vốn khác của chủ sở hữu theo quy định của pháp luật.
2. “Huy động vốn trung và dài hạn” Là nhận tiền gửi dưới hình thức hợp đồng huy động vốn có kỳ hạn trên 12 tháng của các tổ chức trong và ngoài nước thông qua hợp đồng huy động vốn, hợp đồng vay vốn; phát hành trái phiếu Quỹ, đặt cọc, ký cược và các hình thức huy động vốn trung và dài hạn khác theo quy định pháp luật.
3. “Hợp đồng huy động vốn” Là văn bản thỏa thuận giữa Quỹ với các tổ chức trong và ngoài nước về việc huy động vốn.
4. “Thỏa thuận vay vốn nước ngoài” là các hiệp định, hợp đồng, thỏa thuận vay vốn ký kết nhân danh Nhà nước, Chính phủ hoặc do Bộ Tài chính ký kết theo quy định của pháp luật với bên cho vay nước ngoài; “Thỏa thuận cho vay lại” là hợp đồng cho vay lại hoặc hiệp định vay phụ ký giữa Bộ tài chính hoặc cơ quan cho vay lại với người vay lại về việc cho vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ.

5. “Trái phiếu Quỹ” (sau đây gọi tắt là trái phiếu) là một loại chứng khoán nợ do Quỹ phát hành, xác nhận nghĩa vụ trả nợ bao gồm cả gốc và lãi của Quỹ đối với người sở hữu trái phiếu.

6. “Thời hạn huy động” là khoảng thời gian theo hợp đồng huy động tính từ ngày Quỹ nhận được khoản tiền huy động đến ngày Quỹ cam kết hoàn trả hết tiền gốc và lãi.

7. “Điều chỉnh thời hạn huy động” là việc Quỹ và các tổ chức có liên quan thỏa thuận điều chỉnh lại hợp đồng huy động vốn thông qua phụ lục hợp đồng.

8. “Đặt cọc” là việc các tổ chức giao cho Quỹ một vật có giá trị (bao gồm một khoản tiền, kim khí quý, đá quý hay vật có giá trị khác) gọi tắt là tài sản đặt cọc trong một thời hạn để đảm bảo giao kết hoặc thực hiện hợp đồng.

9. “Ký cược” là việc bên thuê tài sản là động sản giao cho bên cho thuê một khoản tiền hoặc kim khí quý, đá quý hoặc vật có giá trị khác (sau đây gọi là tài sản ký cược) trong một thời hạn để bảo đảm việc trả lại tài sản thuê.

Điều 4. Mục đích huy động vốn

1. Quỹ thực hiện huy động vốn trung, dài hạn để đầu tư trực tiếp, cho vay đầu tư, góp vốn thành lập các tổ chức kinh tế nhằm thực hiện các công trình, các dự án thuộc các lĩnh vực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội trên địa bàn tỉnh.

2. Mở rộng quy mô hoạt động của Quỹ, đảm bảo hoạt động của Quỹ được liên tục, hiệu quả và phát triển.

Điều 5. Hình thức huy động vốn

1. Quỹ được huy động các nguồn vốn trung và dài hạn theo các hình thức sau đây:

a) Vay các tổ chức trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Việc vay vốn nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật về vay nợ nước ngoài.

b) Phát hành trái phiếu Quỹ.

c) Các hình thức huy động vốn trung và dài hạn khác theo quy định của pháp luật.

2. Quỹ được nhận các khoản đặt cọc và ký cược theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Tổng mức vốn huy động của Quỹ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này tối đa bằng 06 lần vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính năm hoặc báo cáo tài chính bán niên tại thời điểm gần nhất.

Điều 6. Nguyên tắc huy động vốn

1. Việc huy động vốn phải thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ;

2. Hoàn trả đầy đủ, đúng hạn nợ gốc và lãi đối với tất cả các khoản vốn mà Quỹ huy động được từ các tổ chức trong và ngoài nước;

3. Huy động vốn phải đúng mục đích, đúng đối tượng;

4. Đảm bảo huy động vốn có hiệu quả, đáp ứng nhu cầu vốn cho đầu tư phát triển, giảm thiểu chi phí, rủi ro của các giao dịch huy động vốn và sử dụng vốn của Quỹ.

Điều 7. Quy định về phòng, chống rửa tiền.

1. Việc phòng, chống rửa tiền phải thực hiện theo quy định của pháp luật trên cơ sở bảo đảm an ninh quốc gia; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Quỹ trong giao dịch với khách hàng.

2. Các biện pháp phòng, chống rửa tiền phải được thực hiện đồng bộ, kịp thời; các hành vi rửa tiền phải được xử lý nghiêm minh.

Điều 8. Cam kết về phòng, chống rửa tiền

1. Quỹ tuân thủ nghiêm các quy định về phòng, chống rửa tiền theo luật phòng, chống rửa tiền.

2. Tăng cường thực hiện các biện pháp nhận biết khách hàng, giám sát nhằm ngăn ngừa tổn thất tài chính, rủi ro liên quan đến uy tín, rủi ro pháp lý liên quan đến phòng, chống rửa tiền.

3. nỗ lực bảo vệ khách hàng và cán bộ công nhân viên không trở thành nạn nhân hoặc vô tình tiếp tay cho hoạt động rửa tiền.

Điều 9. Biện pháp phòng, chống rửa tiền

1. Khi giao dịch với khách hàng, nếu phát hiện bất kỳ giao dịch đáng ngờ nào liên quan đến hoạt động rửa tiền, tạm thời Quỹ không thực hiện giao dịch và báo cáo ngay về Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong công tác phòng, chống rửa tiền.

2. Lưu giữ, cập nhật số liệu và hợp tác với Cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc phòng chống rửa tiền.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 10. Đối tượng huy động vốn

Quỹ được phép huy động vốn trung và dài hạn của các tổ chức trong và ngoài nước đáp ứng nhu cầu huy động vốn của Quỹ thông qua hình thức hợp đồng huy động vốn, hợp đồng vay vốn, đồng thời Quỹ được nhận các khoản đặt cọc, ký cược hoặc đầu tư trái phiếu Quỹ theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 11. Điều kiện huy động vốn

1. Điều kiện giao dịch đối với tổ chức: các tổ chức phải đảm bảo năng lực pháp luật dân sự;

2. Trường hợp huy động vốn của các tổ chức nước ngoài phải thực hiện theo quy định của pháp luật về vay nợ nước ngoài.

3. Đối với việc phát hành trái phiếu Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai

3.1. Quỹ phát hành trái phiếu theo hình thức riêng lẻ tại thị trường trong nước theo nguyên tắc tự vay, tự trả, tự chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng vốn và đảm bảo khả năng trả nợ.

3.2. Điều kiện chào bán trái phiếu riêng lẻ của Quỹ:

a) Quỹ có thời gian hoạt động tối thiểu từ 01 năm kể từ ngày UBND tỉnh ban hành Quyết định thành lập Quỹ.

b) Quỹ được UBND tỉnh đánh giá xếp loại hoạt động có hiệu quả năm trước liền kề của năm phát hành theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP, hướng dẫn của Bộ Tài chính và Điều lệ Quỹ.

c) Đảm bảo tuân thủ quy định về nhà đầu tư mua và giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo quy định của pháp luật về chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ.

d) Có phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trong đó nêu cụ thể về mục đích sử dụng vốn từ phát hành trái phiếu và nguồn bố trí trả nợ gốc, lãi trái phiếu khi đến hạn.

đ) Thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành hoặc thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn trong 03 năm liên tiếp trước đợt phát hành trái phiếu (nếu có), trừ trường hợp phát hành trái phiếu cho các chủ nợ là tổ chức tài chính được lựa chọn.

e) Đáp ứng các giới hạn đầu tư, cho vay, huy động vốn theo quy định tại Điều lệ này.

3.3. Điều kiện, điều khoản cơ bản của trái phiếu, đối tượng mua và giao dịch trái phiếu, quy trình, hồ sơ, phương án phát hành, phương thức phát hành, việc đăng ký, lưu ký trái phiếu, công bố thông tin thực hiện theo quy định của pháp luật về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước.

Điều 12. Thời gian huy động

1. Đối với hợp đồng huy động vốn trung và dài hạn từ các tổ chức trong và ngoài nước thì thời gian huy động vốn tối thiểu trên 12 tháng, thời gian huy động vốn tối đa hoặc theo thời gian đầu tư của từng dự án.

2. Đối với trái phiếu Quỹ thì thời gian huy động vốn là thời gian phát hành trái phiếu trong phương án phát hành được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Tùy theo điều kiện thực tế, nhu cầu đầu tư của Quỹ và khả năng thu hồi vốn của từng dự án trên cơ sở kế hoạch huy động vốn được duyệt của

UBND tỉnh Quy sẽ quyết định thời gian huy động vốn nhằm đảm bảo khả năng trả nợ và đầu tư có hiệu quả.

Điều 13. Giới hạn huy động vốn

Tổng mức vốn huy động theo các hình thức quy định tại **Điều 5** của Quy chế này tối đa bằng 06 (sáu) lần vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính năm hoặc báo cáo tài chính bán niên tại thời điểm gần nhất.

Điều 14. Thẩm quyền quyết định huy động vốn

1. Giám đốc Quỹ quyết định các hợp đồng huy động vốn có giá trị bằng hoặc thấp hơn vốn điều lệ thực có của Quỹ tại thời điểm;

2. Hội đồng quản lý Quỹ quyết định các hợp đồng huy động vốn có giá trị lớn hơn vốn điều lệ thực có của Quỹ tại thời điểm;

3. Trường hợp huy động vốn phục vụ cho các phương án, dự án đặc biệt thuộc chương trình, mục tiêu đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo chủ trương của tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 15. Lãi suất huy động vốn

Lãi suất huy động vốn của Quỹ thực hiện theo nguyên tắc thỏa thuận và phải đảm bảo hiệu quả hoạt động của Quỹ, cụ thể:

1. Lãi suất huy động vốn đối với từng khoản huy động do người có thẩm quyền quyết định nhưng không được cao hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu đã được UBND tỉnh ban hành tại thời điểm huy động.

2. Trường hợp huy động hoặc vay nợ nước ngoài thì lãi suất huy động được thực hiện theo từng chương trình cụ thể và đảm bảo quy định về quản lý vay và trả nợ nước ngoài của Chính phủ.

3. Lãi suất huy động của trái phiếu theo từng phương án phát hành trái phiếu được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Trường hợp huy động vốn phục vụ cho các dự án đặc biệt thuộc chương trình, mục tiêu phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo chủ trương của tỉnh thì lãi suất huy động do UBND tỉnh quyết định.

Điều 16. Sử dụng vốn huy động

1. Việc sử dụng vốn huy động của Quỹ phải đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Phục vụ cho các hoạt động của Quỹ trên cơ sở bảo đảm thu hồi vốn và trả nợ vốn huy động đúng hạn;

b) Sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng và có hiệu quả các nguồn vốn huy động.

2. Vốn huy động của Quỹ được sử dụng vào lĩnh vực đầu tư, cho vay do UBND tỉnh ban hành hàng năm hoặc trong từng thời kỳ sau khi có ý kiến chấp thuận của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP.

Điều 17. Các hình thức bảo đảm để huy động vốn

1. Trường hợp huy động vốn của các tổ chức nước ngoài, các hình thức bảo đảm để huy động vốn được thực hiện theo quy định của Chính phủ Việt Nam về nợ vay nước ngoài.

2. Trường hợp huy động vốn của tổ chức trong nước thì các bên thỏa thuận hình thức bảo đảm theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Số tiền gửi hoặc cho vay của khách hàng tại Quỹ được bảo mật và đảm bảo an toàn theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Thủ tục huy động vốn

1. Thủ tục huy động vốn đối với hợp đồng huy động vốn:

a) Khách hàng khi giao dịch với Quỹ về hợp đồng huy động vốn phải chứng minh năng lực pháp luật dân sự và năng lực hành vi dân sự, cụ thể:

Đối với tổ chức là Giấy phép thành lập hay giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, văn bản chứng minh người đại diện hợp pháp tổ chức.

b) Sau khi bảo đảm các điều kiện, khách hàng đăng ký chữ ký mẫu, mở tài khoản giao dịch và ký hợp đồng huy động vốn.

2. Thủ tục huy động vốn bằng trái phiếu Quỹ, đặc cọc, ký cược thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 19. Đồng tiền huy động

Quỹ thực hiện huy động vốn bằng đồng Việt Nam hoặc bằng ngoại tệ. Nếu huy động bằng ngoại tệ thì thực hiện quy đổi thành đồng Việt Nam theo tỉ giá hối đoái của Ngân hàng thương mại tại thời điểm huy động.

Điều 20. Thanh toán nợ gốc và lãi huy động vốn

1. Hoàn trả nợ gốc:

1.1. Nợ gốc được thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng huy động vốn. Khi đến hạn, Quỹ thực hiện chuyển trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận và yêu cầu khách hàng thanh lý hợp đồng huy động vốn hoặc thực hiện đáo hạn hợp đồng theo yêu cầu của khách hàng.

a) Nếu ngày đến hạn hoàn trả trùng với ngày nghỉ, ngày nghỉ lễ theo quy định của pháp luật, việc chi trả gốc và lãi được thực hiện vào ngày làm việc tiếp theo đầu tiên;

b) Trong trường hợp Hợp đồng huy động vốn đến hạn nhưng khách hàng không rút tiền và không có thỏa thuận, yêu cầu gì khác, Quỹ sẽ tự động đáo hạn nợ gốc thêm một kỳ hạn tiếp theo với các nội dung như kỳ hạn ban đầu, trừ mức lãi suất sẽ áp dụng theo lãi suất quy định hiện hành của Quỹ.

1.2 Hoàn trả nợ gốc đối với trái phiếu:

a) Quỹ sẽ hoàn trả nợ gốc trái phiếu cho khách hàng khi đến hạn theo quy định ghi trên trái phiếu khi phát hành bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản;

b) Trường hợp trái phiếu của Quỹ được phát hành thông qua các tổ chức ủy thác hoặc niêm yết thì thực hiện theo quy định về phát hành và niêm yết trên thị trường chứng khoán;

c) Đối với trái phiếu khi đến hạn nhưng khách hàng không đến rút và không có yêu cầu gì khác, Quỹ sẽ giữ hộ khách hàng và không tính lãi kể từ khi đáo hạn đến ngày khách hàng đến nhận tiền.

2. Thanh toán tiền lãi huy động:

2.1. Hình thức tính lãi:

a) Đối với Hợp đồng huy động vốn từ các tổ chức trong và ngoài nước: Trả lãi theo định kỳ hàng tháng, quý, năm hoặc trả một lần khi đến hạn theo thỏa thuận.

b) Đối với trái phiếu Quỹ: Trả lãi hàng kỳ 06 tháng hoặc hàng năm hoặc khi đến hạn và lãi không nhập gốc.

c) Trường hợp huy động vốn của các tổ chức nước ngoài theo huy định cụ thể đã thỏa thuận trong chương trình huy động giữa Quỹ và khách hàng, đồng thời đảm bảo quy định về vay và trả nợ nước ngoài của Chính phủ.

2.2. Phương pháp tính lãi:

a) Lãi huy động được tính trên cơ sở số tiền gửi, lãi suất và thời hạn của hợp đồng huy động. Thời gian tính lãi 01 năm được quy định là 365 ngày.

$$\text{Số tiền lãi} = \frac{\text{Số tiền gửi} \times \text{số ngày thực gửi} \times \text{lãi suất (\%/năm)}}{365}$$

b) Trường hợp khách hàng có nhu cầu rút vốn trước hạn:

- Nếu không có thỏa thuận cụ thể trên hợp đồng huy động thì toàn bộ số vốn rút trước hạn sẽ hưởng lãi suất không kỳ hạn do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định (tại thời điểm rút vốn), số vốn còn lại (nếu có) được Quỹ bảo lưu lãi suất theo hợp đồng đã ký.

- Nếu đã có thỏa thuận khác thì thực hiện theo nội dung đã thỏa thuận.

c) Trường hợp hợp đồng huy động vốn đến hạn đúng vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của Nhà nước thì tiền lãi được trả vào ngày làm việc tiếp theo đầu tiên. Từ ngày đến hạn tới ngày thanh toán thực tế được hưởng theo lãi suất không kỳ hạn.

3. Nguồn trả nợ lãi, gốc huy động: Quỹ sử dụng các nguồn hợp pháp của Quỹ để trả cho khách hàng mà Quỹ huy động vốn.

Điều 21. Ủy quyền trong quan hệ huy động vốn

Trường hợp khách hàng ủy quyền cho bên thứ ba (bên được ủy quyền) đến quan hệ giao dịch với Quỹ về hợp đồng huy động vốn hoặc trái phiếu Quỹ phải đảm bảo các thủ tục sau:

1. Đối với bên được ủy quyền cá nhân:

a) Phải xuất trình hợp đồng huy động vốn, Giấy chứng nhận trái phiếu hoặc chứng chỉ trái phiếu do Quỹ phát hành; Văn bản chứng minh năng lực pháp luật dân sự và năng lực hành vi dân sự của bên được ủy quyền (giấy chứng minh nhân dân/CCCD hoặc hộ chiếu); văn bản chứng minh người đại diện hợp pháp.

b) Văn bản ủy quyền có xác nhận của chính quyền địa phương hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2. Đối với bên được ủy quyền là tổ chức:

a) Phải xuất trình hợp đồng huy động vốn, Giấy chứng nhận trái phiếu hoặc chứng chỉ trái phiếu do Quỹ phát hành;

b) Có giấy ủy quyền của chủ tài khoản;

c) Người được ủy quyền phải là thành viên của tổ chức đó;

d) Văn bản ủy quyền có xác nhận của chính quyền địa phương hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo qui định của pháp luật.

Điều 22. Thừa kế trong quan hệ huy động vốn

1. Khi cá nhân chủ sở hữu hợp đồng huy động vốn hoặc trái phiếu Quỹ đã chết hoặc tòa án tuyên bố đã chết, Quỹ sẽ hoàn trả vốn huy động và lãi (nếu có) cho người thừa kế theo di chúc hoặc người thừa kế theo pháp luật.

a) Thừa kế theo di chúc: người thừa kế theo di chúc phải xuất trình giấy tờ sau:

- Hợp đồng huy động vốn, giấy chứng nhận hoặc chứng chỉ trái phiếu do Quỹ phát hành.

- Giấy đề nghị rút tiền.

- Chứng minh nhân dân/CCCD hoặc hộ chiếu của người thừa kế.

- Giấy khai tử hoặc quyết định tuyên bố là đã chết của người chủ sở hữu hợp đồng huy động, trái phiếu Quỹ (bản chính hoặc bản sao có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền).

- Bản di chúc hợp pháp (bản chính hoặc bản sao có chứng thực)

- Trường hợp di chúc chỉ định nhiều người thừa kế thì phải có giấy đồng ý của tất cả những người thừa kế ủy quyền cho một người đứng ra nhận tiền, có xác nhận của chính quyền địa phương.

b) Thừa kế theo pháp luật: người thừa kế theo pháp luật phải xuất trình giấy tờ sau:

- Hợp đồng huy động vốn, giấy chứng nhận hoặc chứng chỉ trái phiếu do Quỹ phát hành.

- Chứng minh nhân dân/CCCD hoặc hộ chiếu của người thừa kế.

- Giấy đề nghị rút tiền.

- Giấy khai tử hoặc quyết định tuyên bố là đã chết của người chủ sở hữu hợp đồng huy động, trái phiếu Quỹ (bản chính hoặc bản sao có chứng thực).

- Giấy ủy quyền người nhận tiền của tất cả những người thừa kế theo quy định của pháp luật, có xác nhận của chính quyền địa phương.

c) Một trong các tài liệu để chứng minh mối quan hệ được hưởng thừa kế theo quy định của pháp luật là: Giấy kết hôn; giấy khai sinh; giấy chứng nhận là cha, mẹ, con nuôi; hoặc giấy xác nhận của chính quyền địa phương về mối quan hệ giữa người sở hữu tiền gửi, trái phiếu đã chết và người thừa kế. Trường hợp người thừa kế theo pháp luật đã chết thì phải có giấy chứng tử do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp cá nhân chủ sở hữu hợp đồng huy động vốn hoặc trái phiếu Quỹ mất năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật thì người giám hộ theo quy định của pháp luật hoặc người được cử làm giám hộ khi nhận vốn huy động tại Quỹ phải xuất trình giấy tờ sau:

a) Hợp đồng huy động vốn, giấy chứng nhận hoặc chứng chỉ trái phiếu do Quỹ phát hành.

b) Chứng minh nhân dân/CCCD hoặc hộ chiếu của người giám hộ.

c) Giấy đề nghị rút tiền.

d) Các tài liệu chứng minh quan hệ đủ tư cách là người giám hộ theo quy định của pháp luật.

đ) Quyết định của tòa án tuyên bố là mất năng lực hành vi dân sự của người sở hữu tiền gửi, trái phiếu (bản chính hoặc bản sao có chứng thực).

3. Trường hợp cá nhân chủ sở hữu hợp đồng huy động vốn hoặc trái phiếu Quỹ bị tuyên bố mất tích theo quyết định của tòa án thì người quản lý tài sản theo quy định của pháp luật hoặc người được chỉ định để quản lý tài sản, khi nhận vốn huy động tại Quỹ phải xuất trình giấy tờ sau:

a) Hợp đồng huy động vốn, giấy chứng nhận hoặc chứng chỉ trái phiếu do Quỹ phát hành.

b) Chứng minh nhân dân/CCCD hoặc hộ chiếu của người quản lý tài sản.

c) Giấy đề nghị rút tiền.

d) Các tài liệu chứng minh quan hệ đủ tư cách là người quản lý tài sản theo quy định của pháp luật.

đ) Quyết định của tòa án tuyên bố là mất tích của người chủ sở hữu vốn huy động (bản chính hoặc bản sao có chứng thực).

4. Trường hợp có tranh chấp về việc thừa kế, việc giải quyết phải tuân theo quyết định của tòa án.

5. Trường hợp không có người thừa kế theo di chúc, theo quy định của pháp luật hoặc có nhưng từ chối quyền hưởng thừa kế thì khoản tiền gửi, trái phiếu sẽ thuộc quyền sở hữu của Nhà nước.

Điều 23. Xử lý thất lạc hoặc mất hợp đồng huy động vốn, cho vay vốn hoặc trái phiếu Quỹ

Trường hợp khách hàng bị thất lạc hợp đồng huy động vốn, cho vay vốn hoặc trái phiếu Quỹ thì khách hàng phải báo mất hoặc báo thất lạc bằng văn bản và gửi ngay đến Quỹ để ngăn chặn kẻ gian lợi dụng rút vốn. Sau 30 ngày, kể từ ngày nhận đơn báo mất hoặc thất lạc của khách hàng, theo hồ sơ lưu tại Quỹ và không có vấn đề gì tranh chấp Quỹ sẽ thanh toán cho người chủ sở hữu (trường hợp đã đến thời hạn thanh toán). Quỹ sẽ không chịu trách nhiệm đối với mọi thiệt hại xảy ra trước ngày nhận được giấy báo mất của khách hàng.

Trường hợp chưa đến hạn thanh toán, Quỹ sẽ lưu giữ thông tin khách hàng và lưu ý trong việc rút vốn, tất toán hợp đồng cho đến khi đáo hạn theo quy định pháp luật.

Điều 24. Xử lý trường hợp các hợp đồng huy động vốn, cho vay vốn hoặc trái phiếu Quỹ bị mờ, rách, tẩy xóa...

1. Hợp đồng huy động vốn, cho vay vốn hoặc trái phiếu Quỹ về nguyên tắc khi thanh toán phải còn nguyên vẹn, không bị rách, tẩy xóa, sửa chữa. Đặc biệt các yếu tố sau phải nhận dạng được:

a) Họ và tên, địa chỉ, số chứng minh nhân dân của người sở hữu.

b) Số hợp đồng, số series...

c) Số tiền gửi, số tiền cho vay, số tiền mua trái phiếu.

2. Nếu các yếu tố trên không đọc hoặc nhận dạng được thì số tiền của khách hàng tạm thời chưa được thanh toán. Khách hàng muốn rút tiền phải thực hiện thủ tục báo hồng theo mẫu in sẵn, chữ ký và mã hiệu khách hàng trên Giấy báo hồng phải đúng chữ ký và mã hiệu đăng ký tại Quỹ.

a) Giấy báo hồng được lưu tại Quỹ sau 30 ngày kể từ ngày Quỹ nhận được giấy báo hồng để tiến hành các nghiệp vụ cần thiết theo quy định hiện hành, nếu phù hợp theo quy định Quỹ sẽ thu hồi hợp đồng huy động vốn, chứng chỉ hoặc chứng nhận trái phiếu bị hồng.

b) Căn cứ vào hồ sơ gốc lưu tại Quỹ, Quỹ sẽ thanh toán cho khách hàng (trường hợp đã đến hạn thanh toán) hoặc cấp lại bản sao hợp đồng huy động vốn, cho vay vốn hoặc trái phiếu (trường hợp chưa đến thời hạn thanh toán). Trong trường hợp này khách hàng phải nộp cho Quỹ phí cấp lại Hợp đồng hoặc trái phiếu;

Điều 25. Từ chối thanh toán

Quỹ được quyền từ chối việc nhận, chi trả nợ gốc và lãi tiền gửi theo các hợp đồng huy động vốn, cho vay vốn hoặc mua trái phiếu Quỹ trong trường hợp sau:

1. Khách hàng không thực hiện đúng các quy định tại Quy chế này và các thỏa thuận khác đã cam kết với Quỹ;

2. Khách hàng làm mất các hợp đồng huy động vốn, cho vay vốn hoặc chứng nhận trái phiếu Quỹ phát hành bị kê gian lợi dụng.

Điều 26. Quản lý vốn huy động

1. Toàn bộ vốn huy động phải chuyển vào tài khoản tiền gửi của Quỹ mở tại các Ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh để quản lý nguồn vốn huy động.

2. Giải ngân vốn huy động:

a) Vốn huy động của Quỹ được dùng để đầu tư vào các dự án, phương án theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Quy chế này;

b) Tùy theo đặc điểm của từng dự án vay vốn, Quỹ thực hiện giải ngân từ nguồn vốn huy động một lần hoặc theo tiến độ triển khai thực hiện dự án.

3. Theo dõi khoản vốn huy động:

a) Mở sổ theo dõi đầy đủ các khoản vốn huy động, gồm cả vốn gốc và các khoản lãi phải trả.

b) Thường xuyên xem xét, đánh giá, phân tích khả năng thanh toán nợ của Quỹ, phát hiện sớm tình hình khó khăn trong thanh toán nợ để có giải pháp khắc phục kịp thời, không để phát sinh các khoản nợ quá hạn.

Điều 27. Kiểm tra, giám sát việc sử dụng nguồn vốn huy động

1. Việc huy động vốn và sử dụng vốn huy động phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và đúng các quy chế, quy trình nghiệp vụ của Quỹ nhằm đảm bảo tính kiểm tra, giám sát được thường xuyên.

2. Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra, giám sát việc huy động và sử dụng nguồn vốn huy động của Quỹ theo chức năng, quyền hạn đã được quy định.

Chương III

QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN

Điều 28. Quyền hạn và nghĩa vụ của Quỹ

1. Quyền hạn:

- a) Liên hệ với các tổ chức trong và ngoài nước để tìm kiếm nguồn vốn huy động một cách hợp pháp;
- b) Tiếp cận với các tổ chức tài chính nước ngoài, các doanh nghiệp trong nước để xúc tiến và đẩy mạnh công tác huy động vốn;
- c) Tiếp nhận và quản lý các nguồn vốn trung và dài hạn;
- d) Tự chủ trong việc sử dụng các nguồn vốn huy động;
- đ) Thực hiện đúng thẩm quyền quyết định mức vốn huy động và giới hạn vốn huy động theo Quy chế này.

2. Nghĩa vụ:

- a) Xúc tiến, tìm kiếm và lập các thủ tục về huy động vốn trước khi tiến hành huy động vốn;
- b) Thực hiện đúng những thỏa thuận với khách hàng trong hợp đồng huy động vốn đã ký kết;
- c) Sử dụng nguồn vốn huy động để phục vụ cho các hoạt động kinh doanh của Quỹ một cách có hiệu quả;
- d) Hoàn trả nợ gốc và lãi huy động đúng thời hạn;
- đ) Chịu trách nhiệm về việc sử dụng hiệu quả các nguồn vốn huy động;
- e) Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất việc huy động vốn và hiệu quả vốn huy động cho Hội đồng quản lý Quỹ;
- g) Lưu giữ, bảo quản hồ sơ huy động vốn theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 29. Quyền hạn và nghĩa vụ của khách hàng

1. Quyền hạn:

a) Từ chối các yêu cầu của Quỹ không đúng với các thỏa thuận trong hợp đồng huy động vốn, hợp đồng vay vốn;

b) Khiếu nại, khởi kiện việc vi phạm hợp đồng huy động vốn, hợp đồng vay vốn theo quy định của pháp luật và yêu cầu Quỹ bồi thường mọi thiệt hại phát sinh do Quỹ vi phạm hợp đồng huy động vốn, hợp đồng vay vốn gây nên;

c) Được Quỹ chi trả nợ gốc và lãi đối với các hợp đồng huy động vốn, hợp đồng vay vốn, chứng chỉ hoặc chứng nhận trái phiếu do Quỹ phát hành;

d) Được phép chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền hưởng nợ gốc và/hoặc lãi từ số vốn đã được Quỹ huy động và quyền nhận lại nguồn vốn huy động từ Quỹ.

2. Nghĩa vụ:

a) Chấp hành đúng các quy định của Quỹ và quy định của pháp luật trong hợp đồng huy động vốn;

b) Mở tài khoản tại Quỹ trước khi ký hợp đồng huy động;

c) Khách hàng phải thông báo kịp thời với Quỹ về:

- Thay đổi về cơ cấu tổ chức bộ máy và nhân sự.

- Đổi tên, thay đổi địa chỉ trụ sở chính của khách hàng.

- Khách hàng tiến hành thay đổi hình thức sở hữu Doanh nghiệp, chia tách, sát nhập, ngừng hoạt động, giải thể...

Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 30. Tổ chức thực hiện

Quỹ Đầu tư phát triển, các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan thực hiện huy động vốn theo đúng Quy chế này.

Điều 31. Sửa đổi, bổ sung

Trong quá trình thực hiện, nếu xét thấy cần thiết phải bổ sung, sửa đổi nội dung Quy chế này cho phù hợp với quy định của Nhà nước và điều kiện thực tế của Quỹ, Giám đốc Quỹ và các bộ phận có liên quan đề xuất bổ sung, sửa đổi, thay thế cho phù hợp trình Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định./.